

KỶ KIỂM TRA KHẢO SÁT HỌC SINH
KHỐI 12 NĂM HỌC 2016-2017
CỤM 04: THANH XUÂN - CẦU GIẤY

**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ KIỂM TRA KHẢO SÁT
ĐIỂM KIỂM TRA KHẢO SÁT THPT LƯƠNG THẾ VINH**
Cơ sở 1: Thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
1	041591	Nguyễn Thái An	22/09/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
2	041592	Võ Thùy An	26/09/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
3	041593	Cao Tuấn Anh	06/08/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
4	041594	Đàm Hải Anh	06/09/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
5	041595	Đặng Phương Anh	15/07/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
6	041596	Đặng Tuấn Anh	11/08/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
7	041597	Đồng Minh Anh	25/02/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
8	041598	Đỗ Quốc Anh	29/06/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
9	041599	Đỗ Thế Anh	07/09/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
10	041600	Hà Mai Anh	10/11/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
11	041601	Lê Phan Anh	02/10/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
12	041602	Lê Phương Anh	16/12/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
13	041603	Lê Thị Huyền Anh	20/12/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
14	041604	Lê Tiến Anh	22/08/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
15	041605	Lương Quốc Anh	20/01/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
16	041606	Ngô Huệ Anh	28/02/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
17	041607	Ngô Quang Anh	15/09/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
18	041608	Nguyễn Thị Mai Anh	28/09/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
19	041609	Nguyễn Thị Mai Anh	10/12/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
20	041610	Nguyễn Thị Phương Anh	04/05/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
21	041611	Nguyễn Vũ Hà Anh	28/04/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
22	041612	Nguyễn Vũ Hải Anh	13/04/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
23	041613	Phó Quỳnh Anh	29/06/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
24	041614	Tạ Quang Anh	04/06/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	069	069	039	067		KHTN	A
25	041615	Trần Minh Anh	11/06/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
26	041616	Trần Tuấn Anh	16/06/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
27	041617	Trần Vi Anh	14/01/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
28	041618	Võ Trí Anh	05/09/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
29	041619	Vũ Đức Anh	22/03/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
30	041620	Vũ Hải Anh	14/04/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
31	041621	Vũ Hồng Anh	13/07/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
32	041622	Đỗ Thế Bách	07/09/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
33	041623	Phan Quang Bách	29/05/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
34	041624	Trần Dương Bách	31/12/1998	12V2	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
35	041625	Trần Gia Bách	12/08/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
36	041626	Trần Quang Bảo	11/02/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
37	041627	Đỗ Tuấn Bắc	22/01/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
38	041628	Nguyễn Thị Ngọc Bích	16/09/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
39	041629	Đào Thị Minh Châu	22/01/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
40	041630	Đặng Minh Châu	16/10/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
41	041631	Lê Mai Bảo Châu	02/09/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
42	041632	Trần Thị Bảo Châu	15/11/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
43	041633	Vũ Thị Minh Châu	22/03/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
44	041634	Hà Linh Chi	11/01/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
45	041635	Nguyễn Linh Chi	17/01/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
46	041636	Phạm Minh Chi	25/05/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
47	041637	Võ Cẩm Chi	19/07/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
48	041638	Đoàn Mạnh Chính	15/09/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	070	070	040	068		KHTN	A
49	041639	Lê Văn Minh Chính	04/12/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
50	041640	Nguyễn Quang Chính	16/10/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
51	041641	Nguyễn Thị Thu Chuyên	17/05/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
52	041642	Vũ Thành Chương	28/03/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
53	041643	Nguyễn Quốc Cường	12/03/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
54	041644	Đoàn Thị Duyên	01/11/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
55	041645	Lê Thị Mỹ Duyên	27/04/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
56	041646	Vũ Lương Duyên	14/03/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
57	041647	Nguyễn Đăng Dũng	10/02/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
58	041648	Nguyễn Nam Tuấn Dũng	22/12/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
59	041649	Nguyễn Tiến Dũng	25/08/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
60	041650	Nguyễn Tuấn Dũng	24/08/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
61	041651	Tạ Việt Dũng	14/03/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
62	041652	Trần Đức Dũng	24/03/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
63	041653	Lê Quang Dương	23/03/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
64	041654	Nguyễn Đức Bình Dương	14/10/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
65	041655	Nguyễn Vũ Hải Dương	23/09/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
66	041656	Vũ Trọng Dương	03/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
67	041657	Nguyễn Hữu Đạt	16/07/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
68	041658	Trần Duy Đạt	09/11/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
69	041659	Ngô Hải Đăng	13/02/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
70	041660	Cao Hoàng Đức	07/05/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
71	041661	Đinh Hồng Đức	30/06/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
72	041662	Phạm Minh Đức	31/12/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	071	071	041	069		KHTN	A
73	041663	Triệu Khắc Đức	18/07/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
74	041664	Trương Đăng Anh Đức	08/03/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
75	041665	Vũ Anh Đức	13/07/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
76	041666	Vũ Anh Đức	22/09/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
77	041667	Vũ Minh Đức	15/10/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
78	041668	Nguyễn Trường Giang	20/07/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
79	041669	Nguyễn Trọng Giáp	10/11/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
80	041670	Hoàng Thái Hà	01/08/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
81	041671	Nguyễn Phương Hà	23/11/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
82	041672	Nguyễn Thu Hà	10/01/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
83	041673	Nguyễn Trúc Hà	29/06/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
84	041674	Phạm Ngọc Hà	09/09/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
85	041675	Trần Ngọc Hà	28/02/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
86	041676	Trần Thị Lệ Hà	28/04/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
87	041677	Bùi Đông Hải	18/12/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
88	041678	Nguyễn Bích Hào	30/03/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
89	041679	Nguyễn Minh Hằng	28/05/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
90	041680	Nguyễn Thị Thu Hằng	14/08/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
91	041681	Tạ Thu Hằng	12/11/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
92	041682	Trần Minh Hiền	12/02/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
93	041683	Nguyễn Đăng Hiếu	06/12/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
94	041684	Nguyễn Trung Hiếu	09/02/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
95	041685	Trần Chí Hiếu	18/08/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
96	041686	Trần Minh Hiếu	26/09/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	072	072	042	070		KHTN	A
97	041687	Đặng Đình Hiệp	25/04/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
98	041688	Phạm Đức Hiệp	24/09/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
99	041689	Lê Thị Hoài	08/01/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
100	041690	Cao Việt Hoàng	03/04/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
101	041691	Lê Việt Hoàng	10/12/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
102	041692	Ngô Huy Hoàng	11/07/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
103	041693	Nguyễn Minh Hoàng	03/10/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
104	041694	Nguyễn Văn Hoàng	20/07/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
105	041695	Nguyễn Việt Hoàng	30/04/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
106	041696	Nguyễn Việt Hoàng	03/07/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
107	041697	Nguyễn Xuân Hoàng	09/09/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
108	041698	Ninh Viết Hoàng	26/12/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
109	041699	Phan Hải Hoàng	05/06/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
110	041700	Triệu Nhật Hoàng	20/08/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
111	041701	Vũ Việt Hoàng	03/02/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
112	041702	Đặng Thanh Hòa	24/01/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
113	041703	Tạ Duy Hòa	19/10/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
114	041704	Trần Thị Hồng	19/05/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
115	041705	Cung Vũ Huy	26/08/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
116	041706	Ngô Quốc	Huy	13/06/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
117	041707	Nguyễn Quang	Huy	05/03/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
118	041708	Nguyễn Xuân	Huy	14/12/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
119	041709	Tào Hữu	Huy	11/07/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
120	041710	Trần Nhật	Huy	20/09/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	073	073	043	071		KHTN	A
121	041711	Nguyễn Khánh	Huyền	19/11/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
122	041712	Nguyễn Ngọc	Huyền	26/01/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
123	041713	Nguyễn Thanh	Huyền	04/08/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
124	041714	Nguyễn Thị	Huyền	04/11/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
125	041715	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/09/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
126	041716	Nguyễn Thu	Huyền	31/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
127	041717	Vũ Thị Ngọc	Huyền	29/07/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
128	041718	Đoàn Xuân	Hùng	19/09/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
129	041719	Nguyễn Mạnh	Hùng	20/11/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
130	041720	Bùi Chí	Hưng	13/01/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
131	041721	Dương Đình	Hưng	09/08/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
132	041722	Hoàng Thái	Hưng	07/12/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
133	041723	Nguyễn Đỗ Hoàng	Hưng	03/10/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
134	041724	Nguyễn Kiều	Hưng	08/01/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
135	041725	Trần Trọng	Hưng	07/10/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
136	041726	Đỗ Lan	Hương	21/12/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
137	041727	Lê Thu	Hương	06/10/1998	12A1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
138	041728	Vũ Ngọc	Hương	30/09/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
139	041729	Lê Đức	Khang	20/12/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
140	041730	Trần Ngọc	Khánh	07/10/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
141	041731	Nguyễn Đăng	Khải	14/08/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
142	041732	Nguyễn Anh	Khoa	05/12/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
143	041733	Lê Dụ Minh	Khôi	11/12/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
144	041734	Hoàng Minh	Khuê	03/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	074	074	044	072		KHTN	A
145	041735	Nguyễn Thị Minh	Khuê	13/03/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
146	041736	Đặng Văn	Kiên	19/04/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
147	041737	Nguyễn Thạch	Kiên	07/02/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
148	041738	Nguyễn Trung	Kiên	24/04/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
149	041739	Nguyễn Trung	Kiên	22/09/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
150	041740	Phạm Hoàng	Lan	22/12/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
151	041741	Bùi Quang	Lâm	01/11/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
152	041742	Cao Tùng	Lâm	05/10/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
153	041743	Nguyễn Hoàng	Lâm	09/08/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
154	041744	Nguyễn Tùng	Lâm	30/09/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
155	041745	Trần Tùng	Lâm	24/10/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
156	041746	Vũ Tùng	Lâm	09/02/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
157	041747	Trần Khánh	Lê	19/07/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
158	041748	Dương Mai	Linh	01/07/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
159	041749	Đỗ Thảo	Linh	30/01/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
160	041750	Lại Thùy	Linh	06/12/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
161	041751	Lê Nhật	Linh	19/03/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
162	041752	Nguyễn Diệu	Linh	23/02/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
163	041753	Nguyễn Hồng	Linh	25/09/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
164	041754	Nguyễn Khánh	Linh	05/01/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
165	041755	Nguyễn Khánh	Linh	24/08/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
166	041756	Nguyễn Nhật	Linh	03/03/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
167	041757	Nguyễn Nhật	Linh	28/03/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
168	041758	Nguyễn Thị Mai	Linh	02/03/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	075	075	045	073		KHTN	A
169	041759	Nguyễn Thùy	Linh	03/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
170	041760	Nguyễn Thùy	Linh	24/12/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
171	041761	Phạm Khánh	Linh	03/05/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
172	041762	Phạm Tuấn	Linh	26/11/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
173	041763	Tạ Thị Thùy	Linh	29/05/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
174	041764	Tăng Tài	Linh	08/10/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
175	041765	Trần Lê Nhật	Linh	05/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
176	041766	Trần Phương Linh	03/12/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
177	041767	Vũ Thùy Linh	29/01/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
178	041768	Vũ Hồng Loan	24/10/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
179	041769	Vũ Minh Loan	09/06/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
180	041770	Bùi Thăng Long	07/12/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
181	041771	Nguyễn Hoàng Long	28/03/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
182	041772	Nguyễn Văn Phúc Long	12/05/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
183	041773	Nguyễn Văn Thành Long	15/11/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
184	041774	Vũ Hoàng Long	23/05/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
185	041775	Vương Anh Long	19/02/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
186	041776	Vương Thành Long	22/08/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
187	041777	Phạm Gia Lộc	10/02/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
188	041778	Phạm Hữu Lộc	30/03/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
189	041779	Lê Ngọc Hải Luân	28/09/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
190	041780	Nguyễn Vũ Luật	29/11/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
191	041781	Nghiêm Thị Thùy Lương	11/01/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
192	041782	Hồ Thị Mai Ly	15/04/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	076	076	046	074		KHTN	A
193	041783	Ngô Trần Khánh Ly	25/01/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
194	041784	Vương Thị Ngọc Mai	04/03/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
195	041785	Nguyễn Huy Mạnh	19/06/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
196	041786	Lê Nhật Minh	31/10/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
197	041787	Ngô Ngọc Minh	24/08/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
198	041788	Ngô Quang Minh	19/08/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
199	041789	Nguyễn Đăng Minh	04/11/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
200	041790	Nguyễn Đức Minh	28/05/1998	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
201	041791	Nguyễn Hữu Đức Minh	25/12/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
202	041792	Nguyễn Ngọc Minh	25/02/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
203	041793	Nguyễn Nhật Minh	20/09/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
204	041794	Nguyễn Trường Minh	15/08/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
205	041795	Nguyễn Tuấn Minh	25/01/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
206	041796	Nguyễn Tuấn Minh	22/05/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
207	041797	Nguyễn Tuấn Minh	29/08/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
208	041798	Nông Đức Minh	01/03/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
209	041799	Phạm Công Minh	28/04/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
210	041800	Phí Tuệ Minh	25/11/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
211	041801	Phùng Tuấn Minh	30/08/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
212	041802	Đồng Thị Huyền My	17/11/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
213	041803	Phạm Thanh Hà My	11/12/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
214	041804	Trần Chân Thiện Mỹ	22/01/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
215	041805	Đặng Trần Hoàng Nam	11/12/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
216	041806	Đỗ Duy Nam	26/12/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	077	077	047	075		KHTN	A
217	041807	Hà Quang Nam	25/02/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
218	041808	Hoàng Nam	17/06/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
219	041809	Hoàng Hải Nam	13/05/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
220	041810	Lê Nhật Nam	17/08/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
221	041811	Nguyễn Đức Nam	01/07/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
222	041812	Nguyễn Hoài Nam	02/06/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
223	041813	Nguyễn Khánh Nam	29/03/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
224	041814	Nguyễn Lê Nam	19/07/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
225	041815	Nguyễn Nhật Nam	04/04/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
226	041816	Nguyễn Thành Nam	30/09/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
227	041817	Phạm Ngọc Nam	10/12/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
228	041818	Trần Minh Nam	13/11/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
229	041819	Trần Phương Nga	18/07/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
230	041820	Đào Giang Nguyên	11/04/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
231	041821	Trần Minh Khôi Nguyên	06/02/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
232	041822	Võ Đại Nguyên	15/03/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
233	041823	Đào Huyền Nhi	01/08/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
234	041824	Khổng Yến Nhi	17/02/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
235	041825	Nguyễn Tuyết Nhung	20/03/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
236	041826	Lưu Thị Hải	Như	12/11/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
237	041827	Nguyễn Kiều	Oanh	24/09/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
238	041828	Trần Thị	Oanh	09/02/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
239	041829	Chu Chấn	Phong	04/08/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
240	041830	Nguyễn Tiến	Phú	04/02/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	078	078	048	076		KHTN	A
241	041831	Lê Hoàng	Phúc	11/11/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
242	041832	Mai Thị Thanh	Phương	13/10/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
243	041833	Nguyễn Thị Thu	Phương	20/01/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
244	041834	Phạm Anh	Phương	12/01/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
245	041835	Bùi Huy	Quang	23/06/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
246	041836	Hoàng Minh	Quang	29/09/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
247	041837	Lê Minh	Quang	27/08/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
248	041838	Nguyễn Anh	Quang	27/10/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
249	041839	Nguyễn Ngọc	Quang	07/09/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
250	041840	Phạm Minh	Quang	22/04/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
251	041841	Đào Hồng	Quân	21/09/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
252	041842	Trần Hồng	Quân	16/09/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
253	041843	Nguyễn Thị	Quyên	25/03/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
254	041844	Đoàn Văn	Quyết	22/09/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
255	041845	Phạm Hoàng Ngọc	Quỳnh	04/10/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
256	041846	Đỗ Ngọc	Sang	14/05/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
257	041847	Đỗ Tuấn	Sơn	02/06/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
258	041848	Hoàng	Sơn	25/05/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
259	041849	Phạm Bá	Sơn	21/12/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
260	041850	Hoàng Minh	Tâm	31/08/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
261	041851	Trần Thị Thanh	Tâm	03/10/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
262	041852	Vũ Minh	Tâm	21/12/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
263	041853	Vũ Văn	Tân	08/04/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
264	041854	Lê Huyền	Thanh	23/08/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	079	079	049	077		KHTN	A
265	041855	Nguyễn Thị Hải	Thanh	15/01/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
266	041856	Đỗ Công Thành	08/06/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
267	041857	Nguyễn Công Thành	15/12/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
268	041858	Nguyễn Duy Thành	03/03/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
269	041859	Ngô Sỹ An Thái	26/03/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
270	041860	Đặng Phương Thảo	28/11/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
271	041861	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/06/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
272	041862	Nguyễn Thu Thảo	24/04/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
273	041863	Trần Phương Thảo	31/10/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
274	041864	Đoàn Lê Đức Thắng	07/07/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
275	041865	Nguyễn Đức Thắng	24/08/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
276	041866	Nguyễn Đức Thắng	24/09/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
277	041867	Trương Công Thọ	10/11/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
278	041868	Hoàng Kim Thu	14/04/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
279	041869	Nguyễn Minh Thùy	25/12/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
280	041870	Bùi Thu Thủy	28/10/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
281	041871	Nguyễn Thị Bích Thủy	27/11/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
282	041872	Nguyễn Văn Thúc	05/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
283	041873	Đỗ Trọng Tiến	20/12/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
284	041874	Lê Minh Tiến	03/12/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
285	041875	Vương Mạnh Tiến	16/07/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
286	041876	Lê Khánh Toàn	28/12/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
287	041877	Đặng Thị Huyền Trang	23/09/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
288	041878	Đặng Thu Trang	05/01/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	080	080	050	078		KHTN	A
289	041879	Lê Thùy Trang	24/09/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
290	041880	Nguyễn Linh Trang	15/04/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
291	041881	Nguyễn Thị Thùy Trang	23/04/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
292	041882	Nguyễn Thiều Trang	24/08/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
293	041883	Phan Hà Trang	05/04/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
294	041884	Phạm Hà Trang	29/10/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
295	041885	Hoàng Ngọc Trâm	18/11/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
296	041886	Trần Thị Triều	03/03/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
297	041887	Nguyễn Quốc Trung	21/02/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
298	041888	Nguyễn Quốc Trung	30/11/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
299	041889	Trần Đức Trung	16/12/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
300	041890	Đỗ Mạnh Tuấn	26/03/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
301	041891	Nguyễn Gia Tuấn	07/06/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
302	041892	Lê Anh Tuấn	29/12/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
303	041893	Nguyễn Anh Tuấn	17/02/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
304	041894	Nguyễn Mạnh Tuấn	24/02/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
305	041895	Nguyễn Minh Tuấn	04/04/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
306	041896	Tổng Minh Tuấn	11/09/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
307	041897	Dương Minh Tùng	18/09/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
308	041898	Hoàng Hữu Tùng	01/07/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
309	041899	Nguyễn Đoàn Cảnh Tùng	03/04/1999	12V2	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
310	041900	Trần Thanh Tùng	11/06/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
311	041901	Trương Viết Tùng	27/02/1999	12A0	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
312	041902	Đặng Thị Ngọc Tú	14/07/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	081	081	051	079		KHTN	A
313	041903	Lê Anh Tú	10/04/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
314	041904	Nguyễn Thu Uyên	04/01/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
315	041905	Đào Thị Thanh Vân	23/10/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
316	041906	Lê Thanh Vân	06/02/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
317	041907	Vũ Minh Vân	22/10/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
318	041908	Hoàng Quốc Việt	07/02/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
319	041909	Nguyễn Quang Việt	05/11/1999	12A1.0	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
320	041910	Nguyễn Thượng Võ	07/02/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
321	041911	Lê Thế Vũ	07/01/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
322	041912	Phạm Thảo Vy	14/11/1999	12V1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
323	041913	Nguyễn Thị Hương Xuân	22/01/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
324	041914	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	30/05/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
325	041915	Nghiêm Thị Hồng Yến	08/10/1999	12A1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
326	041916	Phan Thị Hải Yến	03/05/1999	12V0	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
327	041917	Trần Thị Yến	05/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	082	082	052	080		KHTN	A
328	041918	Huỳnh Thị Khánh An	21/03/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
329	041919	Nguyễn Hải An	12/06/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
330	041920	Trịnh Phan Thanh An	12/03/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
331	041921	Bùi Băng Anh	15/01/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
332	041922	Bùi Thị Minh Anh	14/07/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
333	041923	Đặng Quỳnh Anh	01/08/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
334	041924	Đặng Văn Anh	26/06/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
335	041925	Đinh Ngọc Hoàng Anh	24/04/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
336	041926	Đỗ Quỳnh Anh	24/06/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	082	082		080	031	KHXH	A
337	041927	Hoàng Trâm Anh	07/09/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
338	041928	Phương Anh	26/01/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
339	041929	Lê Trung Anh	07/06/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
340	041930	Nguyễn Cẩm Tú Anh	27/08/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
341	041931	Nguyễn Hoàng Anh	20/02/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
342	041932	Nguyễn Hoàng Anh	05/09/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
343	041933	Nguyễn Phương Anh	07/01/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
344	041934	Nguyễn Quang Anh	08/10/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
345	041935	Nguyễn Thị Vân Anh	15/10/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
346	041936	Nguyễn Trần Tiến Anh	07/01/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
347	041937	Trần Duy Anh	20/08/1998	12D3	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
348	041938	Trần Tú Anh	12/09/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
349	041939	Văn Hà Anh	07/08/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
350	041940	Vũ Hoàng Anh	14/05/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
351	041941	Vũ Ngọc Đức Anh	30/01/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	031	KHXH	A
352	041942	Vũ Quỳnh Anh	24/11/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
353	041943	Hàn Hồng Ánh	22/07/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
354	041944	Mai Ngọc Ánh	11/07/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
355	041945	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	17/08/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
356	041946	Trần Thị Ngọc Ánh	23/01/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
357	041947	Trịnh Hồng Ánh	30/04/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
358	041948	Nguyễn Mai Ánh	08/02/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
359	041949	Lê Linh Chi	24/09/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
360	041950	Nguyễn Linh Chi	26/03/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	083	083		081	032	KHXH	A
361	041951	Nguyễn Ngọc Chi	02/10/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
362	041952	Phùng Yến Chi	22/05/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
363	041953	Nguyễn Đỗ Chương	18/10/1999	12I1	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
364	041954	Đỗ Ngọc Diệp	04/10/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
365	041955	Lưu Thị Ngọc Diệp	01/12/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
366	041956	Hoàng Quang Duy	18/12/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
367	041957	Bùi Thùy Dương	03/11/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
368	041958	Trần Anh Dương	26/11/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
369	041959	Lê Quang Đạt	01/03/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
370	041960	Nguyễn Hoàn Đạt	17/07/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
371	041961	Nguyễn Minh Đạt	06/11/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
372	041962	Trần Hương Giang	26/01/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
373	041963	Vũ Thu Giang	09/04/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
374	041964	Lê Thu Hà	25/06/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
375	041965	Lê Thu Hà	14/08/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	032	KHXH	A
376	041966	Nguyễn Thu Hà	08/05/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
377	041967	Phạm Thu Hà	11/03/1998	12D01	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
378	041968	Phùng Lê Nguyệt Hà	17/12/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
379	041969	Triệu Thu Hà	28/09/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
380	041970	Nguyễn Hồng Hạnh	28/11/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
381	041971	Đỗ Thị Minh Hằng	27/11/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
382	041972	Kiều Thanh Hằng	15/07/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
383	041973	Lê Thanh Hằng	15/06/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
384	041974	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/10/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	084	084		082	033	KHXH	A
385	041975	Vũ Thanh Hằng	24/01/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
386	041976	Nguyễn Thanh Hiền	16/12/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
387	041977	Phạm Mai Thanh Hiền	21/07/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
388	041978	Phan Vy Hiếu	11/03/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
389	041979	Vũ Minh Hiếu	15/06/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
390	041980	Nguyễn Thị Hoa	25/08/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
391	041981	Cao Thanh Huệ	21/06/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
392	041982	Lý Thành Huy	08/06/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
393	041983	Bùi Thị Thanh Huyền	19/03/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
394	041984	Vũ Thu Hương	03/08/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
395	041985	Nguyễn An Khang	25/12/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
396	041986	Nguyễn Minh Khuê	31/03/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
397	041987	Nguyễn Thị Thanh Lam	08/01/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
398	041988	Phan Thanh Lan	27/09/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
399	041989	Trần Thị Lan	14/12/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	033	KHXH	A
400	041990	Đặng Tùng Lâm	29/05/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
401	041991	Vũ Hà Lê	27/11/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
402	041992	Chăn Diệu Linh	07/03/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
403	041993	Đặng Tú Linh	14/10/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
404	041994	Đoàn Trần Phương Linh	06/08/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
405	041995	Đỗ Trang Linh	24/05/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
406	041996	Hoàng Thùy Linh	10/06/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
407	041997	Lê Diệu Linh	01/04/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
408	041998	Lê Phương Linh	15/04/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	085	085		083	034	KHXH	A
409	041999	Lê Phương Linh	01/06/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
410	042000	Nguyễn Hà Linh	10/12/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
411	042001	Nguyễn Khánh Linh	27/12/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
412	042002	Nguyễn Phan Thùy Linh	27/08/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
413	042003	Nhật Linh	30/07/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
414	042004	Nguyễn Thảo Linh	20/09/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
415	042005	Phạm Lưu Khánh Linh	23/11/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
416	042006	Phạm Thị Hương	Linh	10/10/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
417	042007	Trần Khánh	Linh	30/09/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
418	042008	Trần Ngọc	Linh	11/10/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
419	042009	Trần Thảo	Linh	23/07/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
420	042010	Trịnh Hạnh	Linh	20/08/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
421	042011	Trịnh Phương	Linh	19/02/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
422	042012	Vũ Thùy	Linh	12/07/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
423	042013	Nguyễn Như	Long	25/05/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	034	KHXH	A
424	042014	Phạm Hải	Long	29/12/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
425	042015	Nguyễn Khánh	Ly	03/10/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
426	042016	Quỳnh	Ly	30/12/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
427	042017	Trần Khánh	Ly	08/09/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
428	042018	Trịnh Hương	Ly	16/01/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
429	042019	Trương Khánh	Ly	26/08/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
430	042020	Nguyễn Hoàng	Mai	24/01/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
431	042021	Nguyễn Thị Phương	Mai	04/05/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
432	042022	Nguyễn Quang	Minh	09/10/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	086	086		084	035	KHXH	A
433	042023	Phạm Tuấn	Minh	19/06/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
434	042024	Bùi Thảo	My	11/01/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
435	042025	Lê Trà	My	13/06/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
436	042026	Nguyễn Hà	My	31/05/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
437	042027	Nguyễn Phương	My	21/09/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
438	042028	Nguyễn Thái Hà	My	15/12/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
439	042029	Nguyễn Thị Trà	My	10/06/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
440	042030	Nguyễn Thị Thu	Nga	02/06/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
441	042031	Nguyễn Thúy	Nga	20/08/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
442	042032	Ngô Bảo	Ngân	02/06/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
443	042033	Nguyễn Kim	Ngân	21/02/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
444	042034	Trịnh Thị Kim	Ngân	06/06/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
445	042035	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	08/12/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
446	042036	Lê Phương Ngọc	09/08/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
447	042037	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/10/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	035	KHXH	A
448	042038	Phạm Quỳnh Ngọc	08/04/2000	12D1	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
449	042039	Trịnh Minh Ngọc	19/10/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
450	042040	Phạm Đức Nguyên	23/12/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
451	042041	Tạ Thị Minh Nhật	10/02/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
452	042042	Bùi Nguyễn Yên Nhi	31/05/1998	12D3	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
453	042043	Lê Thị Hồng Nhung	25/10/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
454	042044	Nguyễn Trang Nhung	26/04/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
455	042045	Triệu Thị Tuyết Nhung	16/01/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
456	042046	Tạ Hoàng Oanh	11/01/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	087	087		085	036	KHXH	A
457	042047	Bùi Mai Phương	19/12/1998	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
458	042048	Lê Thị Phương	17/02/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
459	042049	Nguyễn Hoài Phương	30/09/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
460	042050	Nguyễn Như Phương	20/12/1998	12D3	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
461	042051	Nguyễn Thu Phương	14/03/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
462	042052	Nguyễn Thu Phương	24/10/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
463	042053	Vũ Hằng Phương	31/07/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
464	042054	Ngô Minh Quân	19/09/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
465	042055	Lê Mai Tú Quyên	08/07/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
466	042056	Đỗ Thúy Quỳnh	04/04/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
467	042057	Nguyễn Thế Sáng	05/02/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
468	042058	Nguyễn Hải Sơn	28/06/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
469	042059	Vì Thị Minh Tâm	28/11/1998	12D3	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
470	042060	Vũ Đức Tâm	22/11/1999	12I2	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
471	042061	Phạm Tuấn Thành	09/02/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	036	KHXH	A
472	042062	Trần Đức Thành	02/10/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
473	042063	Ngô Anh Thái	10/08/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
474	042064	Lê Thị Phương Thảo	04/11/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
475	042065	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/06/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
476	042066	Nguyễn Thu Thảo	19/10/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
477	042067	Phan Thanh Thảo	08/01/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
478	042068	Trịnh Thu Thảo	20/08/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
479	042069	Vũ Phương Thảo	04/09/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
480	042070	Hoàng Hà Thu	25/10/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	088	088		086	037	KHXH	A
481	042071	Trần Lê Trang Thu	13/04/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
482	042072	Phạm Thị Hồng Thúy	11/11/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
483	042073	Phùng Thu Thủy	10/08/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
484	042074	Ngô Thị Minh Thư	22/01/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
485	042075	Nguyễn Thị Minh Thư	13/02/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
486	042076	Cao Phương Trang	10/11/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
487	042077	Giang Thu Trang	07/06/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
488	042078	Lê Hồng Trang	12/12/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
489	042079	Lương Quỳnh Trang	23/10/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
490	042080	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	29/10/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
491	042081	Nguyễn Thị Thu Trang	26/06/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
492	042082	Nguyễn Thị Thu Trang	29/08/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
493	042083	Nguyễn Thị Thu Trang	02/12/1999	12A1.1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
494	042084	Nguyễn Thu Trang	29/07/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
495	042085	Phạm Thị Thu Trang	14/09/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	037	KHXH	A
496	042086	Trần Huyền Trang	29/07/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
497	042087	Trịnh Thị Huyền Trang	30/06/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
498	042088	Vũ Ngọc Trang	08/03/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
499	042089	Vũ Thu Trang	09/11/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
500	042090	Lê Thu Trà	10/04/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
501	042091	Nguyễn Hoàng Trung	14/09/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
502	042092	Nguyễn Khánh Trung	04/03/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
503	042093	Nguyễn Thị Kim Tuyền	21/11/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
504	042094	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	22/07/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	089	089		087	038	KHXH	A
505	042095	Bùi Thanh Tùng	15/01/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
506	042096	Chu Diệu	Uyên	06/09/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
507	042097	Cung Phương	Uyên	09/09/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
508	042098	Đặng Thu	Uyên	10/07/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
509	042099	Đoàn Phương Nhã	Uyên	21/10/1999	12D1	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
510	042100	Nguyễn Thu	Uyên	09/08/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
511	042101	Đặng Thanh	Vân	08/03/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
512	042102	Nguyễn Quỳnh	Vân	03/12/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
513	042103	Nguyễn Thị Hồng	Vân	28/05/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
514	042104	Nguyễn Thị Thanh	Vân	08/11/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
515	042105	Nguyễn Nguyên	Việt	17/08/1999	12D2	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
516	042106	Trần Quốc	Việt	12/12/1999	12D3	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
517	042107	Đào Bảo	Vĩnh	23/08/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
518	042108	Nguyễn Minh	Vương	02/02/1999	12D01	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
519	042109	Nguyễn Hải	Vy	06/07/1999	12D0	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	038	KHXH	A
520	042110	Vũ Hà	Vy	17/11/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	039	KHXH	A
521	042111	Hoàng Thanh	Xuân	15/08/1999	12D4	THPT Lương Thế Vinh	090	090		088	039	KHXH	A
522	042112	Chu Hải	Lâm	36316	12A	TT GDTX THANH XUÂN	090	090	052			KHTN	K
523	042113	Phạm Nhật	Minh	19/08/1997	12A	TT GDTX THANH XUÂN	090	090	052			KHTN	K
524	042114	Nghiêm Phương	Anh	14/02/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	090	090			040	KHXH	K
525	042115	Nguyễn Cao Ngọc	Anh	20/10/1998	12A	TT GDTX THANH XUÂN	090	090			040	KHXH	K
526	042116	Phạm Thế	Anh	26/05/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	090	090			040	KHXH	K
527	042117	Đặng Pha	Anh	08/03/1997	12B	TT GDTX THANH XUÂN	090	090			040	KHXH	K
528	042118	Đỗ Đức	Anh	07/03/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	090	090			040	KHXH	K
529	042119	Ngô Minh	Anh	18/04/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
530	042120	Lương Tú	Anh	14/09/1998	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
531	042121	Nguyễn Quốc	Anh	13/03/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
532	042122	Nguyễn Phan Ngọc	Anh	20/08/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
533	042123	Ngọc	Ánh	14/07/1998	12B	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
534	042124	Trần Văn	Chiến	05/09/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
535	042125	Đỗ Quốc	Cường	24/02/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
536	042126	Nguyễn Xuân Cường	12/01/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
537	042127	Nguyễn Tiến Đạt	15/08/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
538	042128	Trương Tiến Đạt	20/11/1998	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
539	042129	Hồ Minh Đức	18/01/1998	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
540	042130	Vương Ninh Đức	25/01/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
541	042131	Nguyễn Phạm Tiến Dũng	24/09/1996	12C	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
542	042132	Nguyễn Tùng Dương	02/09/1998	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
543	042133	Đinh Quang Duy	26/05/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
544	042134	Nguyễn Quang Duy	09/01/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
545	042135	Lộc Văn Duy	13/08/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
546	042136	Phạm Thị Duyên	10/01/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
547	042137	Đặng Minh Hải	15/02/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			040	KHXH	K
548	042138	Trần Đức Ngọc Hải	31/03/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			041	KHXH	K
549	042139	Vũ Ngọc Hải	23/01/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			041	KHXH	K
550	042140	Nguyễn Thế Hiền	10/06/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			041	KHXH	K
551	042141	Nguyễn Trung Hiếu	31/05/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			041	KHXH	K
552	042142	Cung Đức Hiếu	23/11/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	091	091			041	KHXH	K
553	042143	Lê Sỹ Hoàng	25/10/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
554	042144	Đỗ Diệu Hồng	27/10/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
555	042145	Vũ Thị Huế	10/08/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
556	042146	Nguyễn Việt Hùng	06/12/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
557	042147	Bùi Văn Hưng	01/01/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
558	042148	Kiều Quang Hường	10/10/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
559	042149	Đào Quốc Huy	30/11/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
560	042150	Đỗ Phi Khanh	09/04/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
561	042151	Nguyễn Phú Khoa	20/02/1995	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
562	042152	Phạm Nguyễn Khuyển	03/11/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
563	042153	Nguyễn Tùng Lâm	18/02/1998	12A	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
564	042154	Trần Quang Lâm	17/07/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
565	042155	Nguyễn Xuân Lim	18/05/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Phòng Ngữ văn	Phòng Toán	Phòng KHTN	Phòng Tiếng Anh	Phòng KHXH	Đăng ký KHTN, KHXH	Đăng ký Ngoại Ngữ
566	042156	Lê Phạm Diệu Linh	11/05/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
567	042157	Phạm Thùy Linh	20/02/1998	12A	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
568	042158	Trần Mỹ Linh	05/11/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
569	042159	Bùi Thúy Linh	25/03/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
570	042160	Nguyễn Quang Linh	28/03/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
571	042161	Lê Trần Thùy Linh	07/10/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			041	KHXH	K
572	042162	Trần Khắc Lộc	30/04/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			042	KHXH	K
573	042163	Cù Nhật Long	21/11/1998	12B	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			042	KHXH	K
574	042164	Trần Hữu Long	15/06/1992	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			042	KHXH	K
575	042165	Nguyễn Nhật Long	06/06/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			042	KHXH	K
576	042166	Đỗ Quang Lương	23/03/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	092	092			042	KHXH	K
577	042167	Nguyễn Hữu Lương	09/04/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
578	042168	Nguyễn Văn Mạnh	10/11/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
579	042169	Nguyễn Việt Minh	11/08/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
580	042170	Phạm Kim Quang Minh	25/07/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
581	042171	Đỗ Hoàng Nam	19/02/1998	12D	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
582	042172	Nguyễn Đức Nam	02/12/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
583	042173	Phạm Thị Ngân	13/12/1980	12C	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
584	042174	Nguyễn Văn Ngọc	10/01/1998	12C	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
585	042175	Đỗ Thị Ngọc	26/03/1999	12D	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
586	042176	Hoàng Thị Thanh Nhân	21/03/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
587	042177	Nguyễn Việt Nhật	02/05/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
588	042178	Nhữ Hồng Nhung	21/09/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
589	042179	Phạm Thị Ninh	28/10/1999	12B	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
590	042180	Đoàn Thái Phong	13/12/1998	12B	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
591	042181	Nguyễn Thị Phước	10/03/1984	12C	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
592	042182	Đặng Minh Sơn	31/12/1999	12A	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
593	042183	Lý Đình Song	14/08/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
594	042184	Nguyễn Mạnh Tân	08/12/1997	12B	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K
595	042185	Nguyễn Thị Thắm	02/11/1999	12C	TT GDTX THANH XUÂN	093	093			042	KHXH	K

[illegible]